

VÀI SUY NGHĨ KHÁC VỀ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

(Tiếp theo kỳ trước)

NGUYỄN THỊ THU TRANG*

Lễ hội làm náo nức lòng người không phải ở những lễ nghi khô khan trong mỗi thông linh, mà nó được nảy sinh bởi những trò diễn liên quan. Những trò diễn này không ít thì nhiều đều có mối liên hệ chặt chẽ với sản xuất nông nghiệp. Người Việt kéo cả thế gian, cả muôn loài liên quan vào trong những hoạt động này để rồi lễ hội diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau. Suy cho cùng, tất cả đều xoay quanh một ước vọng cầu được mùa. Người Việt là cư dân sản xuất theo chu trình thời gian khép kín của mùa màng trong một năm, thời gian này được lặp đi lặp lại gần như không đổi, vì thế, ứng xử tâm linh cũng như hành động trong lễ hội ít khi chú ý tới tính bạo liệt hình thức, mà hầu như tất cả đều hướng đến hiện tượng uyển chuyển, mềm mại, nhịp nhàng đầy chất trữ tình. Đồng thời, từ nhận thức về thời gian như nêu trên, người Việt còn như đồng nhất thời gian của một năm với thời gian lịch sử, trong đó khởi đầu là thời kỳ hỗn mang, ăn lông ở lỗ của “thời gian chiêm bao” không có trật tự (thời kỳ hỗn độn/chaos)... Cho nên, trước khi đi vào những “tiết mục” chính, người ta thường hay trở về với không gian và thời gian của thời hỗn mang, cụ thể là, bằng vào những hành động ẩn chứa sự “mất trật tự”. Có thể lấy một vài ví dụ cụ thể như: Chuyện cướp cột và Dô ông Đám ở

đền Đồng Kỵ: vào đúng giao thừa, thanh niên của các giáp “đưa” ông Đám của mình vào cướp chiếc cột cái ở bên trái sát hậu cung, nhưng khi ôm được cột ấy thì thanh niên các giáp khác lại kéo ra, để ông Đám của mình ôm... Hiện tượng này vô cùng mất trật tự và chỉ nhằm một mục đích là tạo nên sự “ồn ào hỗn mang”. Cũng gần như thế, ở chuyện Dô ông Đám, thanh niên các giáp nâng ông Đám của mình lên, rồi cùng kết lại dưới một đường tròn khép kín, chuyển động ngược chiều kim đồng hồ, nhưng vừa đi vừa chen lấn để cố vượt lên. Thực tế, trong một vận động không có đầu và đuôi thì sự xô đẩy này cuối cùng trở nên mất trật tự một cách rõ rệt. Chỉ tới ngày mùng 4 tháng Giêng, khi làm lễ bốc thăm, thì trật tự mới được lập lại và giải tỏa. Một số trường hợp khác, là hiện tượng cướp hoặc vật cầu. Nếu chưa đưa được cầu vào lỗ, mà chỉ quan tâm đến hiện tượng cướp thì rõ ràng ở sự reo hò, trong khi không có bất kể một quy định nào cho luật chơi, thì sự mất trật tự đã được đẩy cao lên tới đỉnh điểm. Sau này, khi nền nông nghiệp đã định hình và phát triển thì vật/cướp cầu đã có một số quy định cụ thể hơn, như hai hố cầu nằm ở hướng Đông- Tây theo đường chuyển động của mặt trời, rồi quả cầu được sơn màu đỏ để đồng nhất với mặt trời và những người vật cầu cố cướp để nhét vào lỗ cầu bên mình. Đó là sự phát triển của nhận thức, bởi đã đưa

* CỤC DI SẢN VĂN HÓA

được nguồn sinh lực vô biên (cầu- mặt trời) giao phối với huyết đất của giáp mình. Từ đó đã tạo ra nguồn sinh khí thiêng liêng vô bờ bến, nền tảng của khát vọng được mùa. Tới gần đây, vật cầu vẫn mất trật tự, vẫn mang bóng dáng như quay về với thời kỳ "hỗn mang". Tuy nhiên, nhiều khi người ta còn cố tình tạo nên một hình thức gắn gũi hơn nữa với tự nhiên như đổ nước ra sân vờn cầu.

Cùng với hiện tượng vờn cầu, người ta còn tìm thấy việc trở về với sự mất trật tự (thời kỳ hỗn mang) ở hiện tượng cướp gậy của làng Sơn Đồng, cướp kén, cướp cây bông, ném đá Chùa Hương hay hội chen ở Hà Bắc... Rõ ràng, tinh chất của hội cũng đã nhìn thấy yêu cầu về sự kết hợp của Âm- Dương gắn với nông nghiệp, nhưng sự trở về với thời kỳ đầu lịch sử vẫn là một điểm nổi trội để sau đó có một thời điểm sang trang, như lễ mở cửa rừng (ngày mùng 6 tháng Giêng) ở Yên Vĩ, Đục Khê hay mở hội ở Đồng Kỵ (vào ngày mùng 4 tháng Giêng). Tới nay, những bài khấn hầu như không còn được lưu truyền, song như cố giáo sư Từ Chi đã có lần nhắc những nhà nghiên cứu trẻ là cái lễ ấy đồng nghĩa với sự chấm dứt "thời hỗn mang" để đi vào trật tự của không gian, thời gian, vũ trụ và thế gian hiện thực (thời trật tự của vũ trụ-cosmos), mà nội dung của lời khấn như sự đặt cược giữa cõi thiêng liêng và con người, rằng: hôm nay, giờ này, đến đây, thời gian hỗn mang đã chấm dứt, hồi các thần linh, hãy đưa đến cho chúng tôi thiên thời, địa lợi, nhân hòa để đảm bảo cho chúng tôi những vụ mùa bội thu, vật nuôi sinh sôi phát triển... Tất nhiên, cùng với quá trình phát triển của thời gian lịch sử và xã hội, phân nào với sự suy lạc của nhận thức đã đưa đẩy những trò diễn "mất trật tự" nhiều khi không đúng vào những giây phút mở đầu của lễ hội nữa. Như trên đã nói, sự trở về với hỗn mang ấy cũng ít nhiều được gắn kết với ước vọng nông nghiệp. Hiện nay, ta thấy lễ hội của chúng ta (ít nhất ở châu thổ Bắc bộ) vẫn là lễ hội nông nghiệp. Bỏ qua hình thức rước sách và tế thần, đó là những nghi thức đề cao thần và đa phần chịu ảnh hưởng từ sinh hoạt gắn với triều đình, với vua chúa thì những biểu hiện khác đều chứa đựng những ước vọng và những nhu cầu tâm linh sâu thẳm, trong đó có thể thấy được nhiều biểu hiện như sau: trước hết,

các lễ hội này là hình thức mở đầu của một chu trình mới đối với mọi làng xã, những điểm xuất phát về thời gian này thường mở đầu từ ngày tết Nguyên đán (ngày Tết chịu ảnh hưởng từ lịch Trung Hoa) hay mở đầu cho Tết đón mưa của cư dân Đông Nam Á (thường vào cuối tháng 3- tháng 4 Âm lịch). Rõ ràng, yêu cầu về nước được đóng vai trò số một của nền kinh tế nông nghiệp cổ truyền, song biểu hiện về yêu cầu này được đưa ra dưới rất nhiều hình thức khác nhau, kể cả về hình tượng lẫn âm thanh, hay sự phối hợp và nhiều hiện tượng có tính chất siêu nhiên khác nữa. Đối với nền nông nghiệp Việt ở Bắc bộ, chủ yếu là sử dụng nước tại chỗ, đó là nước mưa được tụ đọng tại các đầm, hồ, đĩa, lạch... (trong ca dao liên quan đến nguồn nước cày cấy của người Việt cơ bản là gắn với cầu mưa). Gắn với mưa là gắn với mây, sấm, chớp, gió... vì tất cả các lực lượng này nếu quan tâm kỹ thì đều được biểu hiện ra trong lễ hội ở những hình thức khác nhau.

Mở đầu báo hiệu cho "Hội", đó là những tiếng "trống sấm" dồn dập vang lên từ một di tích liên quan. Những trống này thường được làm khá lớn, tang màu đỏ (chứa sinh khí của trời), trên đó vẽ mây trời và những linh vật có liên quan. Khi đánh trống, con người như gửi lời cầu nguyện của mình lên tầng trên như một sự nhắc nhở với các đấng thiêng liêng rằng: hãy nổi sấm lên gọi mây về, cho nước xuống. Dần dần, tiếng trống đồng nhất với tiếng gọi hạnh phúc, gọi sự rộn ràng trong tâm, gọi một tình yêu bao la tràn vũ trụ...

Một số hình thức khác còn được thể hiện rõ hơn trong việc gắn với cầu mưa như múa sư tử, múa rồng. Trong đó, ở môm con sư tử có hình bán nguyệt- được đồng nhất với đầu hổ phù đang nhả mặt trăng ra. Hình thức này đã ăn sâu vào tâm khảm của nhiều cư dân, trong đó có người Việt, khi nguyệt thực toàn phần nghĩa là điềm dói kém và khi nguyệt thực một phần nghĩa là điềm năm đó được mùa lớn. Có thể thấy, múa sư tử chỉ gắn với một chiếc đầu hổ phù mà không có thân (khác với múa lân của Trung Quốc), đuôi của sư tử thường màu đỏ, mang đậm sinh khí. Như vậy, sư tử múa đồng thời với sự vận động nhả mặt trăng ra, đã đồng nhất với sự vận động sinh khí của bầu trời, mà sự vận động ấy ít nhiều đồng nhất với mưa nên

trước mặt sư tử có người múa quả lô. Và, để biểu hiện cho bầu trời (trong không gian này) là đèn ông sao và biểu tượng mây mưa là đèn thiềm thừ (cóc). Cùng đó là những tiếng trống tượng trưng cho sấm, hội lại là hình tượng của một bầu trời mưa thuận, gió hòa dẫn đến đất đai phì nhiêu, tượng trưng bằng ông Địa với mặt tròn và nụ cười viên mãn. Ông được đời hóa bằng sự nhàn tản khi phe phẩy chiếc quạt...

Trong hình tượng múa rồng, thì chỉ khác ở chỗ, là thay sư tử bằng chính con rồng cuộn khúc, mà theo các nhà nghiên cứu mỹ thuật học, rồng là một biểu tượng của mây trời, hay bầu trời, với các đao rồng như tượng trưng cho sấm chớp. Khi nó múa, được coi như sự vận động của bầu trời để tràn sinh lực xuống trần gian. Múa rồng của người Việt bao giờ cũng kèm theo hình tượng một con hổ (tượng cho mặt đất, cũng tượng cho thần linh cai quản đất đai), để tạo nên một cặp âm dương đối đãi hay cặp uyên ương vũ trụ mang tính khởi nguyên giữa trời và đất, hình tượng múa rồng và sư tử đã có ở hầu khắp các nơi.

Cũng có hiện tượng cầu mưa được đưa vào trong những trò diễn riêng, như tại làng Chuông, huyện Thanh Oai. Trong trò thổi cơm thi, người phụ nữ phải cầm đuốc/lửa đun dưới chiếc nồi treo, bên cạnh đó được vẽ một vành vôi tròn to gần bằng chiếc nia, ở giữa đặt một con cóc sống. Trong cuộc thi, vừa phải thổi cơm chín, ngon vừa phải giữ cóc không cho nhảy khỏi vòng quy định đó. Ở đây có thể hiểu cái vành vôi đã tượng cho bầu trời và con cóc là vị thần gắn với mưa, nồi cơm được coi như kết quả của nguồn hạnh phúc thiêng liêng qua dòng nước ngọt trời ban, nên phải giữ cóc vẫn sống mà không chạy ra khỏi vành vôi.

Còn rất nhiều hình thức khác gắn với mưa, nhưng nổi bật hơn cả là hội pháo Đông Kỵ và hội pháo Bối Khê.

Về hội pháo Đông Kỵ, được diễn ra vào ngày mùng 4 tháng Giêng, sau khi những trò cướp cột và Dò ông Đám đã chấm dứt. Người ta thường hay nói tới pháo Đông Kỵ ở chỗ nó to lớn qua sự ganh đua giữa các gia đình. Thực ra, hiện tượng ganh đua ấy chỉ là sản phẩm của đời thường, còn ở lĩnh vực tâm linh, nó đã chứa đựng một ý nghĩa mệnh mông hơn rất nhiều. Rõ ràng là, những tràng pháo nổ liên tục và

những pháo lớn nổ điểm theo như đồng nhất với tiếng gọi mưa, gọi mùa, một gợi ý cho bầu trời đưa nguồn nước sinh lực tràn xuống trần gian (pháo được đồng nhất với sấm). Cái đáng quan tâm là khi rước pháo đại bằng kiệu ra đình là cả một sự huyền ảo. Người ta thiêng hóa quả pháo (có khi dài tới 5m với đường kính hơn 1/2m) bằng cách rước nó như rước thần và bản thân pháo cũng như một biểu hiện của nguồn sinh lực, với toàn thân màu đỏ, điểm tuyết trang trí mây cụm, có khi cả rồng, phượng, lân... (tất nhiên không có rùa, vì đó là con vật của thế giới bên dưới). Một chi tiết rất đặc biệt mà nhiều người chưa quan tâm đến bản chất của nó là, theo cổ kiệu này chỉ có nam giới, không phân biệt già trẻ. Đi một đoạn họ lại vươn tay lên trời như sức vươn của lúa và kêu lên những tiếng hoang dại "hu ơ, hu ơ...". Cổ giáo sư Từ Chi có gợi ý rằng, sau tiếng sấm đầu mùa là tiếng reo mừng dậy của lúa. Phải chăng hiện tượng như nêu trên đã phản ánh về hiện thực tự nhiên này (?). Những quả pháo được đưa ra đình, pháo tràng và pháo nhỏ đốt trước, pháo to đốt sau. Đến quả pháo cuối cùng, đôi khi đã tới cuối chiều, mọi người đều trông mong vào sự thiêng liêng ở chính tiếng nổ của nó. Dù cho pháo đã được cột chặt vào giàn treo, nhưng cũng có khi đuôi pháo bật ra văng vào những người đi xem hội. Thuở xưa, khi còn nhuộm màu mê tín, người ta tin rằng, đuôi pháo ấy đập vào ai đó, tạo nên máu chảy (đồng nhất với sinh khí thiêng liêng tràn về trần gian), nhất là người bị thương có thể bị chết thì càng tốt (!), (càng tốt hơn nếu không phải người trong làng). Điều đó khiến cho người Đông Kỵ vui mừng và dù phải bồi thường như thế nào họ cũng chịu...

Về hội pháo Bối Khê, hiện tượng đốt pháo có vẻ "văn minh" hơn, nhưng cũng không vượt qua ý thức là gợi ý cho bầu trời. Ngay ở trong sân chùa, nơi vị trí thuận tiện, người ta dựng một chiếc cột buong cao, có khi tới 15m, trên đó được tạo ra một màn than hình tròn, rộng khoảng gần 1m (vành tre dán giấy và bôi thuốc nổ màu đen). Ở trên màn than, người ta giấu nhiều quả pháo con và một pháo đại có dây dẫn lửa nối với nhau. Cách đốt màn than bằng pháo nhị thanh hoặc pháo thăng thiên. Từng giáp vào lễ Thánh rồi lần lượt thay nhau ra nổ

pháo. Phải làm sao cắt thuốc của pháo nhị thanh để khi đốt bay lên vừa đến màn than thì nổ tiếng thứ 2, làm bén lửa vào màn than...

Người ta tin rằng, giáp nào đốt được thì sẽ có điềm được mùa và mang lại hạnh phúc cho giáp đó. Ở đây có mấy vấn đề chúng ta phải quan tâm là, màn than cháy tỏa ánh sáng xuống, coi như hình tượng của chớp, pháo con nổ như tiếng sấm rền, pháo đại nổ như tiếng sấm lớn. Cả "hình tượng" này như gắn với sự vận vũ của mây trời tạo tiếng ì ùng trước khi mưa to gió lớn. Nguồn lực vô biên ấy, ở mặt tâm linh, truyền qua cây tre có đốt, đem sinh khí tràn xuống cho đất và nước (người xưa thường nghĩ rằng, những cây có đốt như tre hay trúc là cái thang nối tầng trên với tầng dưới, là bậc thang đi về của thần linh, và do đó, các đốt của cây tre là bậc thang thiêng liêng của trục này).

Trong lễ hội của người xưa, ngoài những hình thức gắn với việc cầu nước mưa như múa rồng, múa sư tử hay đốt pháo, rước nước, kéo co..., thì mối liên quan đến nước của người Việt còn lệ thuộc vào các lễ hội gắn với sự gọi ý cho các dòng sông hay tạo nên cơn nghịch thủy có khả năng phá hoại mùa màng. Theo Lê Quốc Vụ, "Lễ hội đền Đô Quan, Tạp chí Di sản văn hóa" thì có hiện tượng kéo co mà xưa kia đây kéo (trước khi thay bằng cây tre) là hình tượng của một con rắn chạy xuôi theo dòng chảy, để phần nhiều cuộc chiến thắng (tâm linh) thường nằm ở phía đầu rắn, như mong mỗi cho dòng nước thuận chiều, nhằm mang hạnh phúc cho muôn nhà. Rồi cũng có hiện tượng kéo co (ở các làng ven bờ Bắc sông Hồng thuộc Hà Nội), trong sự tích liên quan đến Linh Lang thì cuộc kéo co liên quan đến rắn thần thường xảy ra ở những dòng sông nhỏ, mang tư cách tiêu nước, nhằm chống ngập úng. Ngoài ra, trong nhiều lễ hội khác, hiện tượng chống ngập úng còn được đặt vào các thần linh liên quan, song một mẫu số chung của các vị thần này là bao giờ cũng có những cây kiếm thần như Huyền Thiên Trấn Vũ, Trần

Hung Đạo, Lê Lợi, ông Hoàng làng Lệ Mật... để chống thủy quái. Trong nhận thức của người xưa, kiếm thần có một sức mạnh vô biên, tượng trưng cho sấm chớp, mang dương tính, khi chém xuống nước là có khả năng trừ tà, sát hoặc thu phục thủy quái (những thế lực luôn gây nên lũ lụt). Do đó, khi thần cầm gươm thiêng chém xuống nước được coi là hiện tượng chống thủy quái (một biểu hiện rõ nét của đất thủ đô như tích truyện trong lễ hội về ông hoàng làng Lệ Mật chém rắn cứu công chúa).

Những biểu hiện sâu xa ở trong lễ hội còn rất nhiều mà một yêu cầu tối thượng của người xưa, đó là ước vọng về phồn thực. Với ý thức "Hòa" thiên nhiên vũ trụ với thế gian và con



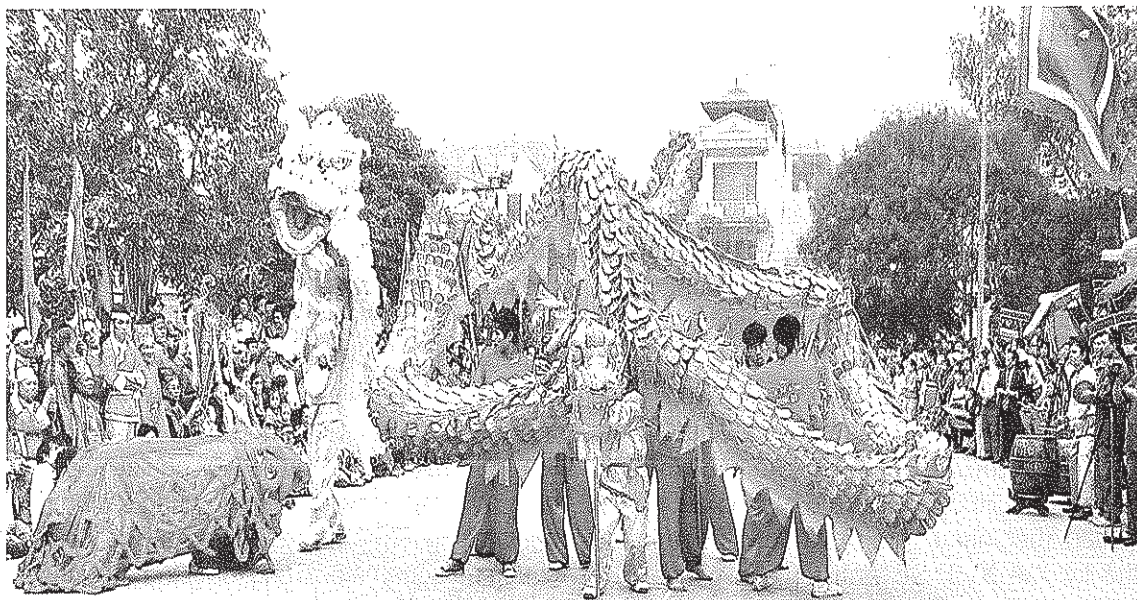
"Con đĩ Đánh Bồng" - Ảnh: Tư liệu

người, thì người xưa cũng như nhiều cư dân trên thế giới đã đem chính bản thân mình làm mẫu để gợi ý cho thần linh. Ở nước ta, từ thời kỳ nguyên thủy, với nền nông nghiệp thời kỳ đồ đồng, người xưa đã dùng hiện tượng bốn cặp nam nữ đang trong tư thế giao phối đặt trên nắp thạp đồng Đào Thịnh. Tất cả chỉ nhằm mục đích truyền sinh khí và gợi ý cho cây trồng theo cách của con người để âm dương giao hòa, nhằm phát sinh phát triển (hiện nay các hạt giống, củ giống vẫn được đặt dưới gầm giường của người Mông U, Tây Bắc). Những sự kiện trên cho thấy, rõ ràng thạp đồng Đào Thịnh trước hết là thạp đựng hạt giống. Trở lại với lễ hội, một mối tình khởi nguyên mà cuối cùng là sự giao phối thần thánh của thần linh cũng đã xuất hiện ở lễ hội ông Đùng bà Đà, biểu hiện bằng hai hình nộm rất to lớn (thể hiện là những thần linh hay những con người của thế hệ trước) được rước đi, cuối cùng cuộc hôn phối thần thánh của cặp uyên ương khởi

nguyên này đã được người đương thời thực hiện qua những động tác đặc biệt. Rồi những tục "linh tinh tình phộc" ở hội Trò Trám trong điệu múa giao phối bằng cách ấn/ghép hai hình tượng sinh thực khí của nam nữ trước ban thờ Thành hoàng làng. Hiện tượng ấy cũng đã xảy ra ở một vài nơi khác thuộc đất Bắc Ninh ngày nay, rồi những hội tắt đèn như ở Giã La và nhiều làng khác. Tất cả đều như những gợi ý với thần trong sự đồng nhất giữa con người với muôn loài và trời đất. Đó là mầm mống của sự sinh sôi, phát triển, mầm mống của ước vọng phồn thực.

Có thể nói, còn rất nhiều biểu hiện của lễ hội, mà mỗi vùng có một ứng xử khác nhau để thể hiện ước vọng muôn đời muôn thuở của con người. Hiện nay, không ai có thể kết luận được đầy đủ về vấn đề mệnh mông này. Cho nên chúng tôi xin đưa ra trong lời cuối phần viết của mình bằng việc cáo lỗi mà chưa kết luận gì./.

N.T.T.T



NGUYỄN THỊ THU TRANG: SOME DIFFERENT THINKINGS ON TRADITIONAL FESTIVALS (CONTINUED)

This paper puts traditional festivals into sacred time and space; come from chaotic periods to cosmos period. Then the author pays attention to some special agriculture festivals, and decodes some particular phenomena in these festivals.